

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7623/UBND-TH

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 12 năm 2017

V/v điều chỉnh phương án
phân bổ kế hoạch vốn đầu tư
năm 2018 nguồn ngân sách
Trung ương

| | |
|--------------------------------------|--|
| TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI | |
| CV ĐẾN | Số:.....11329..... Ngày: 08/12/17 Chuyên:..... |



Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 8759/BKHĐT-TH ngày 25/10/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018; ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 413/HĐND-KTNS ngày 24/11/2017, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 nguồn vốn ngân sách Trung ương và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tại Công văn số 7358/UBND-TH ngày 27/11/2017. Tổng số vốn ngân sách Trung ương năm 2018 của tỉnh là 1.544,135 tỷ đồng, bao gồm: (1) Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg là 128,224 tỷ đồng; (2) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 327,611 tỷ đồng; (3) Vốn các Chương trình mục tiêu là 318 tỷ đồng; (4) Vốn trái phiếu Chính phủ là 550 tỷ đồng; (5) Vốn nước ngoài (ODA) là 230,3 tỷ đồng;

1. Đối với vốn các Chương trình mục tiêu năm 2018 là 318 tỷ đồng; UBND tỉnh Quảng Ngãi đã đăng ký tại Công văn số 7358/UBND-TH ngày 27/11/2017 như sau:

* Bố trí thu hồi tối thiểu 20% vốn ứng trước: Tại Công văn số 8759/BKHĐT-TH ngày 25/10/2017, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã yêu cầu thu hồi các khoản ứng trước của các chương trình mục tiêu của tỉnh là 63,3 tỷ đồng, UBND tỉnh dự kiến hoàn ứng cho 05 danh mục đã ứng, tương ứng với số vốn là 63,3 tỷ đồng.

* Sau khi bố trí thu hồi vốn ứng trước, còn lại 254,7 tỷ đồng, đăng ký phân bổ chi tiết cho 09 Chương trình mục tiêu; với 20 dự án, trong đó có 19 dự án chuyển tiếp, 01 dự án khởi công mới, cụ thể như sau:

(1) Chương trình Phát triển kinh tế xã hội vùng:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 752,646 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 344,540 tỷ đồng, còn lại 408,106 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 là 129,8 tỷ đồng, bố trí cho 10 dự án. Trong đó:

+ Bố trí 39,8 tỷ đồng cho 04 dự án hoàn thành năm 2017; 72 tỷ đồng

cho 05 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2018;

+ Đăng ký khởi công mới Dự án Các tuyến đê biển huyện Lý Sơn (giai đoạn 1) với kế hoạch vốn là 18 tỷ đồng.

(2) Chương trình Phát triển kinh tế thủy sản bền vững:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 237,304 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 95 tỷ đồng, còn lại 142,304 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **35 tỷ đồng**, cho **01 dự án** đang triển khai thực hiện là Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II).

(3) Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 25 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 7 tỷ đồng, còn lại 18 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **05 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện dự án chuyên tiếp là Nâng cao Năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020.

(4). Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống nhân dân:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 132 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 22 tỷ đồng, còn lại 110 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **10 tỷ đồng** thực hiện chuyên tiếp dự án Đê Phở Minh (giai đoạn 1).

(5). Chương trình Đầu tư hạ tầng KKT ven biển, KCN, Cụm Công nghiệp (hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất):

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 550,536 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 340 tỷ đồng, còn lại 210,536 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **33 tỷ đồng**, cho **03 dự án**. Trong đó bố trí 01 tỷ đồng cho 01 dự án hoàn thành năm 2017; 17 tỷ đồng 02 dự án chuyên tiếp (trong đó 01 dự án dự kiến thực hiện hoàn thành trong năm 2018 và 01 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2018).

(6). Chương trình phát triển hạ tầng du lịch:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 63,980 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 16,499 tỷ đồng, còn lại 47,481 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2017 là **10 tỷ đồng** để thực hiện chuyên tiếp dự án Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Mỹ Khê.

(7). Chương trình An ninh trên địa bàn trọng điểm:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 20 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 08 tỷ đồng, còn lại 12 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **04 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện dự án chuyên tiếp là Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên

địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 - 2015.

(8). Chương trình Biển Đông hải đảo:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 253,592 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 113 tỷ đồng, còn lại 140,592 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **23 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện dự án chuyển tiếp là Đường cơ động phía Đông Nam Đảo Lý Sơn (giai đoạn 3).

(9). Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 67 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 33 tỷ đồng, còn lại 34 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **4,9 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện chuyển tiếp là dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020.

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 9159/BKHĐT-KTĐPLT ngày 07/11/2017 về ý kiến thẩm tra về kế hoạch đầu tư công năm 2018 của tỉnh Quảng Ngãi; Công điện số 10045/CD-BKHĐT ngày 06/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát, dự kiến điều chỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư năm 2018 nguồn ngân sách Trung ương (phần vốn Chương trình mục tiêu) như sau:

1. Không bố trí chuyển tiếp dự án Đường cơ động phía Đông Nam Đảo Lý Sơn (giai đoạn 3) (kế hoạch vốn dự kiến là 23 tỷ đồng) thuộc Chương trình Biển đông - Hải đảo.

2. Không bố trí khởi công mới năm 2018 Dự án Các tuyến đê biển huyện Lý Sơn (giai đoạn 1) (kế hoạch vốn dự kiến là 18 tỷ đồng) thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng.

3. Số vốn cắt giảm của 02 dự án trên là 41 tỷ đồng, điều chuyển sang bố trí cho dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2018 là Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II). Số vốn dự kiến bố trí cho dự án này năm 2018 sau khi được bổ sung kế hoạch vốn là 76 tỷ đồng.

2. Đối với vốn các Chương trình mục tiêu năm 2018 là 318 tỷ đồng, qua rà soát điều chỉnh như trên, tỉnh Quảng Ngãi đăng ký lại như sau: Bố trí hoàn trả ứng trước 63,3 tỷ đồng, còn lại 254,7 tỷ đồng, tỉnh đăng ký lại và phân bổ chi tiết cho 08 Chương trình mục tiêu; với 18 dự án chuyển tiếp, cụ thể:

(1) Chương trình Phát triển kinh tế xã hội vùng:

Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **111,8 tỷ đồng**, bố trí cho **09 dự án**. Trong đó: Bố trí 39,8 tỷ đồng cho 04 dự án hoàn thành năm 2017; 72 tỷ đồng cho 05 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2018;

(2) Chương trình Phát triển kinh tế thủy sản bền vững:

Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **76 tỷ đồng**, cho **01 dự án** đang triển khai thực hiện là Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II)

(3) Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững:

Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **05 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện dự án chuyển tiếp là Nâng cao Năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020.

(4). Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống nhân dân:

Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **10 tỷ đồng** thực hiện chuyển tiếp dự án Đô Phố Minh (giai đoạn 1).

(5). Chương trình Đầu tư hạ tầng KKT ven biển, KCN, Cụm Công nghiệp (hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất):

Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **33 tỷ đồng**, cho **03 dự án**. Trong đó: Bố trí 01 tỷ đồng cho 01 dự án hoàn thành năm 2017; 17 tỷ đồng 02 dự án chuyển tiếp (trong đó 01 dự án dự kiến thực hiện hoàn thành trong năm 2018 và 01 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2018).

(6). Chương trình phát triển hạ tầng du lịch:

Dự kiến kế hoạch năm 2017 là **10 tỷ đồng** để thực hiện chuyển tiếp dự án Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Mỹ Khê.

(7). Chương trình An ninh trên địa bàn trọng điểm:

Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **04 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện dự án chuyển tiếp là Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 - 2015.

(8). Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo

Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **4,9 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện chuyển tiếp là dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020.

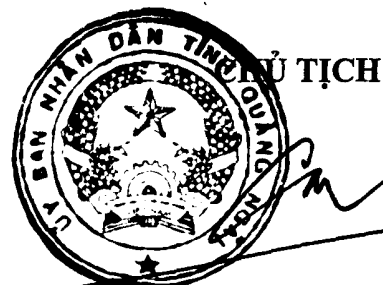
(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Đối với kế hoạch vốn 2018 thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, trái phiếu Chính phủ, vốn ODA, UBND tỉnh vẫn giữ nguyên danh mục và kế hoạch năm 2018 như đã đăng ký với Trung ương tại Công văn số 7358/UBND-TH ngày 27/11/2017 *(có đính kèm)*.

Kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo)
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUB: C,PVP, các P.Ng/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, TH (Vũ 494).



Trần Ngọc Căng

Phụ lục

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2017 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 7623 /UBND-TH ngày 08 /12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Quy mô đầu tư | Quy định đầu tư | Quy định đầu tư | Năm 2017 | | | | | | | | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 | | | Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2018 | | | Ghi chú | | |
|-----|---|----------------|----------------------------|-----------------|--|-----------|----------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|--|-----------|----------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|---------|---------|----------------------------------|--------------------|
| | | | | | | TMBT | | Kế hoạch năm 2017 được giao | | Giải ngân đến 30/9/2017 | | Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2017 | | Vốn NSTW | | | Trong đó: NSTW | | | | | |
| | | | | | | Tổng số | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Ngân sách Trung ương | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Ngân sách Trung ương | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Ngân sách Trung ương | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó | Trong đó | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Tổng số | | Trong đó: | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | Thu hồi các khoản ứng trước NSTW | Thanh toán nợ XDCB | | | | Thu hồi các khoản ứng trước NSTW | Thanh toán nợ XDCB |
| 1 | Tổng số | | | | | 4.686.425 | 3.138.196 | 413.240 | 289.540 | 326.333 | 227.877 | 1.749.589 | 1.498.989 | 1.706.600 | 1.469.600 | 95.312 | 46.000 | 407.000 | 318.000 | 63.300 | - | |
| | Hoàn trả ứng trước | | | | | - | - | - | - | - | - | - | - | 95.312 | 95.312 | 95.312 | - | 63.300 | 63.300 | 63.300 | - | |
| 1 | Vốn đối ứng các dự án ODA | | | | | | | | | | | | | 8.571 | 8.571 | 8.571 | 8.571 | 8.571 | 8.571 | 8.571 | | |
| 2 | Kè đường giao thông liên huyện (ĐT 623) dọc sông Rìn thuộc TT Di Lăng, huyện Sơn Hà | | | | | | | | | | | | | 5.000 | 5.000 | 5.000 | 5.000 | 5.000 | 5.000 | 5.000 | | |
| 3 | Kè chống sạt lở xã An Bình, huyện Lý Sơn | | | | | | | | | | | | | 27.741 | 27.741 | 27.741 | 27.741 | 27.741 | 27.741 | 27.741 | | |
| 4 | Vùng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn giai đoạn 2 | | | | | | | | | | | | | 10.000 | 10.000 | 10.000 | 10.000 | 10.000 | 10.000 | 10.000 | | |
| 5 | Tạm ứng vốn NSTW năm 2009 và năm 2010 để xây dựng CSHT KKT Dung Quất | | | | | | | | | | | | | 44.000 | 44.000 | 44.000 | 11.988 | 11.988 | 11.988 | | | |
| | Phân bổ chi tiết các Chương trình | | | | | 4.686.425 | 3.138.196 | 413.240 | 289.540 | 326.333 | 227.877 | 1.749.589 | 1.498.989 | 1.611.288 | 1.374.288 | - | 46.000 | 343.700 | 254.700 | - | - | |
| I | Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng | | | | | 1.692.270 | 1.173.941 | 246.240 | 134.540 | 220.237 | 125.238 | 908.565 | 675.915 | 827.803 | 607.803 | - | - | 196.800 | 111.800 | - | - | |
| (1) | Dự án hoàn thành năm 2017 | | | | | 1.050.831 | 672.502 | 150.958 | 88.258 | 129.523 | 80.840 | 767.633 | 584.133 | 343.558 | 240.558 | - | - | 59.800 | 39.800 | - | - | |
| | Dự án nhóm C | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đường Trung tâm huyện Sơn Tây | Sơn Tây | 945,85m | 2015-2018 | 1604/QĐ-UBND 30/10/2014 | 67.079 | 35.000 | 18.258 | 10.258 | 15.272 | 7.833 | 53.258 | 30.258 | 41.258 | 25.258 | | | 2.000 | 2.000 | | | |
| | Dự án nhóm B | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Tiểu ứng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa | TP. Quảng Ngãi | 100ha | 2011-2017 | 527/QĐ-UBND, 31/3/2006; 1159/QĐ-UBND, ngày 14/7/2015 | 338.000 | 270.000 | 8.000 | 3.000 | 7.673 | 2.941 | 302.500 | 249.500 | 41.200 | 30.200 | | | 700 | 700 | | | |
| 3 | Nâng cấp tuyến đường Cơn An Vinh-Ra đa tâm xã huyện Lý Sơn | Lý Sơn | 7.063,27m | 2015-2018 | 1606/QĐ-UBND 30/10/2014 | 148.752 | 119.002 | 33.000 | 15.000 | 21.578 | 10.066 | 101.000 | 83.000 | 101.000 | 75.000 | | | 22.000 | 22.000 | | | |
| 4 | Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi | TP. Quảng Ngãi | 300 giường | 2014-2018 | 1611/QĐ-UBND, 25/10/2012 | 497.000 | 248.500 | 91.700 | 60.000 | 85.000 | 60.000 | 310.875 | 221.375 | 160.100 | 110.100 | | | 35.100 | 15.100 | | | |
| (2) | Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018 | | | | | 641.439 | 501.439 | 95.282 | 46.282 | 90.714 | 44.398 | 140.932 | 91.782 | 484.245 | 367.245 | - | - | 137.800 | 72.000 | - | - | |
| | Dự án nhóm B | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương | Bình Sơn | 5.500m | 2016-2020 | 1967/QĐ-UBND, 31/10/2015 | 80.441 | 80.441 | 13.282 | 13.282 | 11.398 | 11.398 | 33.282 | 33.282 | 72.397 | 72.397 | | | 10.000 | 10.000 | | | |
| 6 | Đường Ba Bích - Ba Nam | Ba To | 10,22km | 2016-2020 | 1967/QĐ-UBND, 31/10/2015 | 99.998 | 99.998 | 15.000 | 15.000 | 15.000 | 15.000 | 40.500 | 40.500 | 83.998 | 83.998 | | | 10.000 | 10.000 | | | |
| 7 | Cảng Bến Đình | Lý Sơn | Tàu 1000DWT và tàu 200 ghé | 2016-2020 | 495/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 | 200.000 | 130.000 | 47.000 | 18.000 | 47.000 | 18.000 | 47.150 | 18.000 | 167.000 | 100.000 | | | 63.000 | 28.000 | | | |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm | Năm 2017 | | | | | | Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2017 | | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 | | | | Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2018 | | | Ghi chú | |
|-----|--|----------------------|---------------------|-----------------|---|-----------|----------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|--|--|--------------------------------|----------|------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|---------|--|
| | | | | | | TMBT | | Kế hoạch năm 2017 được giao | | Giải ngân đến 30/9/2017 | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Ngân sách Trung ương | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Ngân sách Trung ương | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Vốn NSTW | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | | |
| | | | | | | Tổng số | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Ngân sách Trung ương | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Ngân sách Trung ương | | | | | | Tổng số | Trong đó | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | | Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW |
| | | | | | | | | | | | | Thu hồi các khoản ứng trước NSTW | Thanh toán nợ XDCB | Tổng số | Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW | Thanh toán nợ XDCB | | | | | | |
| 8 | Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi-Chợ Chùa | Tu Nghĩa, Nghĩa Hành | 4,94km | 2017-2020 | 2088/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 | 141.000 | 141.000 | 10.000 | | 7.689 | | 10.000 | | 80.850 | 70.850 | | | 34.000 | 14.000 | | | |
| 9 | Đường Ba Tr - Ba Trang - Ba Khám (đoạn Ba Trang - Ba Khám) | Ba Tr, Đức Phổ | 19,7 km | 2017-2020 | 2064/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 | 120.000 | 50.000 | 10.000 | | 9.627 | | 10.000 | | 80.000 | 40.000 | | | 20.000 | 10.000 | | | |
| II | Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững | | | | | 401.097 | 400.147 | 73.000 | 73.000 | 40.681 | 40.681 | 194.150 | 193.200 | 227.304 | 227.304 | | 46.000 | 76.000 | 76.000 | | | |
| (1) | Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018 | | | | | 401.097 | 400.147 | 73.000 | 73.000 | 40.681 | 40.681 | 194.150 | 193.200 | 227.304 | 227.304 | | 46.000 | 76.000 | 76.000 | | | |
| | Dự án nhóm B | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | Vùng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II) | Đảo Lý Sơn | 500 tàu có CS 400CV | 2010-2018 | 1476/QĐ-UBND, 27/10/2010; 886/QĐ-UBND ngày 04/6/2015; 1744/UBND-NNTN ngày 07/8/2017 | 401.097 | 400.147 | 73.000 | 73.000 | 40.681 | 40.681 | 194.150 | 193.200 | 227.304 | 227.304 | | 46.000 | 76.000 | 76.000 | | | |
| III | Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững | | | | | 60.928 | 45.000 | | | | | 7.000 | 7.000 | 25.000 | 25.000 | | | 5.000 | 5.000 | | | |
| (1) | Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018 | | | | | 60.928 | 45.000 | | | | | 7.000 | 7.000 | 25.000 | 25.000 | | | 5.000 | 5.000 | | | |
| | Dự án nhóm C | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | Nâng cao Năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020 | Toàn tỉnh | chiều mục tiêu | 2016-2020 | 139/QĐ-UBND, 22/01/2016 | 60.928 | 45.000 | | | | | 7.000 | 7.000 | 25.000 | 25.000 | | | 5.000 | 5.000 | | | |
| IV | Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư | | | | | 80.000 | 80.000 | | | | | 18.074 | 18.074 | 67.000 | 67.000 | | | 10.000 | 10.000 | | | |
| (2) | Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018 | | | | | 80.000 | 80.000 | | | | | 18.074 | 18.074 | 67.000 | 67.000 | | | 10.000 | 10.000 | | | |
| | Dự án nhóm B | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | Đê Phố Minh (giai đoạn 1) | Đức Phổ | | 2016-2020 | 1966/QĐ-UBND, 30/10/2015 | 80.000 | 80.000 | | | | | 18.074 | 18.074 | 67.000 | 67.000 | | | 10.000 | 10.000 | | | |
| V | Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | | | 1.084.221 | 747.243 | 65.000 | 65.000 | 47.186 | 47.186 | 499.000 | 494.000 | 312.700 | 312.700 | | | 33.000 | 33.000 | | | |
| (1) | Dự án hoàn thành năm 2017 | | | | | 446.978 | 300.000 | 30.000 | 30.000 | 22.008 | 22.008 | 299.000 | 299.000 | 110.000 | 110.000 | | | 1.000 | 1.000 | | | |
| | Dự án nhóm B | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | Dự án thành phần II đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn 2) | Bình Sơn | 9 km | 2013-2017 | 117/QĐ-BQL ngày 21/3/2006, 629/QĐ-BQL ngày 23/9/2008 | 446.978 | 300.000 | 30.000 | 30.000 | 22.008 | 22.008 | 299.000 | 299.000 | 110.000 | 110.000 | | | 1.000 | 1.000 | | | |
| (2) | Dự án dự kiến hoàn thành năm 2018 | | | | | 397.712 | 207.712 | 20.000 | 20.000 | 10.178 | 10.178 | 170.000 | 165.000 | 102.700 | 102.700 | | | 17.000 | 17.000 | | | |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm | Năm 2017 | | | | Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2017 | | Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 | | | | Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2018 | | | Ghi chú | | | |
|------|---|-----------------|--------------------------------|-----------------|---|----------|----------------|--------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|--|--------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|----------|----------|---------|--------------------------------|----------------|-----------|
| | | | | | | TMBT | | Kế hoạch năm 2017 được giao | | Giải ngân đến 30/9/2017 | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Ngân sách Trung ương | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Ngân sách Trung ương | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Vốn NSTW | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | |
| | | | | | | Tổng số | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Ngân sách Trung ương | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Ngân sách Trung ương | | | | | | Tổng số | Trong đó | | | Tổng số | Trong đó: |
| | | | | | | | | | | | | Thu hồi các khoản ứng trước NSTW | Thanh toán nợ XDCB | Tổng số | Thu hồi các khoản ứng trước NSTW | Thanh toán nợ XDCB | | | | | | |
| | Dự án nhóm B | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường | Bình Sơn | 9,644 km | 2014-2018 | 1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 | 397.712 | 207.712 | 20.000 | 20.000 | 10.178 | 10.178 | 170.000 | 165.000 | 102.700 | 102.700 | | | 17.000 | 17.000 | | | |
| (3) | Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018 | | | | | 239.531 | 239.531 | 15.000 | 15.000 | 15.000 | 15.000 | 30.000 | 30.000 | 100.000 | 100.000 | | | 15.000 | 15.000 | | | |
| | Dự án nhóm B | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | Các tuyến đường trục vào KCN nặng Dung Quất phía Đông | Bình Sơn | 2,7 km | 2016-2020 | 1967e/QĐ-UBND, 31/10/2015 | 239.531 | 239.531 | 15.000 | 15.000 | 15.000 | 15.000 | 30.000 | 30.000 | 100.000 | 100.000 | | | 15.000 | 15.000 | | | |
| VI | Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch | | | | | 51.895 | 51.895 | 10.000 | - | 3.457 | - | 10.000 | - | 47.481 | 47.481 | - | - | 10.000 | 10.000 | - | - | |
| (1) | Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018 | | | | | 51.895 | 51.895 | 10.000 | - | 3.457 | - | 10.000 | - | 47.481 | 47.481 | - | - | 10.000 | 10.000 | - | - | |
| | Dự án nhóm B | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 16 | Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Mỹ Khê | TP. Quảng Ngãi | Mở rộng đường trục chính 1,7km | 2017-2020 | 115/QĐ-UBND, ngày 23/01/2017 | 51.895 | 51.895 | 10.000 | | 3.457 | | 10.000 | | 47.481 | 47.481 | | | 10.000 | 10.000 | | | |
| VII | Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm | | | | | 509.971 | 509.971 | 4.000 | 4.000 | 4.000 | 4.000 | 77.800 | 77.800 | 20.000 | 20.000 | | | 4.000 | 4.000 | | | |
| (1) | Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018 | | | | | 509.971 | 509.971 | 4.000 | 4.000 | 4.000 | 4.000 | 77.800 | 77.800 | 20.000 | 20.000 | | | 4.000 | 4.000 | | | |
| | Dự án nhóm B | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 17 | Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 - 2015 | Tỉnh Quảng Ngãi | 20.200 ha | | 1310/QĐ-UBND, 31/8/2011 | 509.971 | 509.971 | 4.000 | 4.000 | 4.000 | 4.000 | 77.800 | 77.800 | 20.000 | 20.000 | | | 4.000 | 4.000 | | | |
| VIII | Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo | | | | | 806.043 | 130.000 | 15.000 | 13.000 | 10.772 | 10.772 | 35.000 | 33.000 | 84.000 | 67.000 | | | 8.900 | 4.900 | | | |
| (1) | Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018 | | | | | 806.043 | 130.000 | 15.000 | 13.000 | 10.772 | 10.772 | 35.000 | 33.000 | 84.000 | 67.000 | | | 8.900 | 4.900 | | | |
| | Dự án nhóm B | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 18 | Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020 | Toàn tỉnh | | 2016-2020 | 896/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 | 806.043 | 130.000 | 15.000 | 13.000 | 10.772 | 10.772 | 35.000 | 33.000 | 84.000 | 67.000 | | | 8.900 | 4.900 | | | |